

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2021.

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Duy Kh*

** Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Nguyễn Thành Nh**

2/. Bà **Cao Thị Mỹ Ph**

** Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đ – Kiểm sát viên*

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Bà Châu Như Y – sinh năm 1975.*

Trú tại: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

** Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Kh – sinh năm 1974.*

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, bà Châu Như Y, là nguyên đơn trình bày: Bà Y và ông Nguyễn Văn Kh tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1996, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/2003. Vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do anh ông Kh không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình vợ con, bà Y phải một mình làm lụng vất vả để lo cho kinh tế gia đình. Không những vậy, ông Kh còn thường xuyên có những lời lẽ

chửi bới thô tục đối với bà Y. Do mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không những không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn mà ông Kh còn thường xuyên gọi điện thoại để chửi bới bà Y. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Y xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Kh. Khi ly hôn, đối với con chung tên Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1997 và Nguyễn Diễm M, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên bà Y không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà Y không yêu cầu gì thêm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2021, ông Nguyễn Văn Kh, là bị đơn trình bày: Năm 1996, ông Kh và bà Y có tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/2003. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Đến đầu năm 2020 thì do mâu thuẫn vợ chồng nên bà Y có bỏ nhà đi, ông Kh có 02 lần kêu về nhưng bà Y chỉ về một lúc lại bỏ đi. Nay ông Kh nhận thấy còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, nhưng ông cũng không có biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn để bà Y về chung sống tiếp, nếu bà Y chịu về nhà nói chuyện rõ ràng thì ông Kh mới nghĩ đến việc ly hôn. Nếu phải ly hôn thì ông Kh cũng thống nhất với Y kiến của bà Y về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Y đã trình bày.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Bà Y chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, ông Kh đã vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa diễn ra lần thứ nhất mà không rõ lý do. Bà Y và ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông Kh.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà Y và ông Kh chung sống có đăng ký kết hôn. Qua phân trình bày của bà Y và ông Kh có đủ căn cứ xác định ông bà chung sống có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông Kh.

+ Về con chung: Đối với em Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1997 và Nguyễn Diễm M, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Y và ông Kh đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bà Y là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Châu Như Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Kh nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn Kh có địa chỉ cư trú tại Ấp 1, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn là bà Y và bị đơn là ông Kh đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông Kh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

* Về nội dung:

[1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Như Y và ông Nguyễn Văn Kh: Bà Y và ông Kh tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/2003, việc bà Y và ông Kh chung sống vợ chồng là có xảy ra trên thực tế và được các bên thống nhất thừa nhận. Hôn nhân giữa bà Y và ông Kh là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Châu Như Y xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Kh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả bà Y và ông Kh đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, hiện vợ chồng không còn chung sống để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình. Ông Kh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn được nhưng ông không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ, nhưng ông cũng không có biện pháp nào hàn gắn mâu thuẫn thì không thể nào khắc phục được những mâu thuẫn đã phát sinh.

Xét thấy hôn nhân của bà Y và ông Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng cả hai đều không đáp ứng được, nay bà Y kiên quyết xin ly hôn với ông Kh mà ông Kh không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng thì vợ chồng cũng không thể hàn gắn đoàn tụ để chung sống tiếp tục. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bà Y đã yêu cầu được ly hôn và xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với ông Kh thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ phân tích, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Châu Như Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn Kh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Đối với em Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1997 và Nguyễn Diễm M, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, bà Y và ông Kh không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Y và ông Kh thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Y và ông Kh thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Châu Như Y là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Như Y;
Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà Châu Như Y và ông Nguyễn Văn Kh.
- 2/. Về con chung: Em Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1997 và Nguyễn Diễm M, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, bà Y và ông Kh không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.
- 3/. Về tài sản chung: Bà Y và ông Kh thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 4/. Về nợ chung: Bà Y và ông Kh thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 5/. Về án phí: Bà Châu Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Y đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002388 ngày 12/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, bà Y và ông Kh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- CCTHA TX. G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.